

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2012/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Bộ luật về các tiêu chuẩn và khuyến nghị quốc tế đối với hoạt động điều tra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, năm 2008 của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải trong các trường hợp sau đây:

1. Tai nạn hàng hải liên quan đến tàu biển Việt Nam.
2. Tai nạn hàng hải liên quan đến tàu biển nước ngoài khi hoạt động tại:
 - a) Vùng nước cảng biển, vùng nội thủy và lãnh hải của Việt Nam;

b) Vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trong trường hợp tai nạn đó có liên quan đến tàu thuyền Việt Nam, các công trình, thiết bị ngoài khơi hoặc gây ra ô nhiễm môi trường.

3. Tai nạn xảy ra đối với tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ gây ảnh hưởng đến an toàn, an ninh và ô nhiễm môi trường tại các vùng nước cảng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tai nạn hàng hải là tai nạn do đâm va hoặc các sự cố liên quan đến tàu biển gây hậu quả chết người, mất tích, bị thương, thiệt hại đối với hàng hóa, hành lý, tài sản trên tàu biển, cảng biển và công trình, thiết bị khác, làm cho tàu biển bị hư hỏng, chìm đắm, phá hủy, cháy, mắc cạn hoặc gây ô nhiễm môi trường.

2. Tàu thuyền bao gồm tàu biển, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ và các phương tiện thủy khác.

3. Sự cố hàng hải là sự việc xảy ra liên quan trực tiếp đến hoạt động của tàu biển mà gây nguy hiểm, hoặc nếu không được khắc phục, sẽ gây nguy hiểm cho an toàn của tàu, con người hoặc môi trường.

4. Các bên liên quan là tổ chức hoặc cá nhân có lợi ích hợp pháp liên quan đến kết quả điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 4. Phân loại mức độ tai nạn hàng hải

1. Tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng là tai nạn hàng hải gây ra một trong các thiệt hại dưới đây:

- a) Làm chết hoặc mất tích người;
- b) Làm tàu bị tổn thất toàn bộ;
- c) Làm tràn ra biển từ 100 tấn dầu trở lên hoặc từ 50 tấn hóa chất độc hại trở lên;
- d) Làm ách tắc luồng hàng hải từ 48 giờ trở lên.

2. Tai nạn hàng hải nghiêm trọng là tai nạn hàng hải không thuộc các trường hợp trên và là một trong các trường hợp dưới đây:

- a) Tàu biển bị cháy, nổ, mắc cạn từ 24 giờ trở lên, làm hư hỏng kết cấu của tàu ảnh hưởng đến khả năng đi biển của tàu;
- b) Làm tràn ra biển dưới 100 tấn dầu hoặc dưới 50 tấn hóa chất độc hại;
- c) Làm ách tắc luồng hàng hải từ 24 giờ đến dưới 48 giờ.

3. Tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng là sự cố hàng hải hoặc tai nạn hàng hải xảy ra trong các trường hợp không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 5. Trách nhiệm của thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải

1. Thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm báo cáo tai nạn hàng hải cho Cảng vụ Hàng hải hoặc Cục Hàng hải Việt Nam nhanh chóng, chính xác theo quy định tại Thông tư này.

2. Thuyền trưởng tổ chức công tác cứu nạn nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả phù hợp với điều kiện an toàn của tàu.

3. Thuyền trưởng, thuyền viên có trách nhiệm tổ chức bảo vệ hiện trường tai nạn và thiết bị ghi dữ liệu hành trình tại thời điểm xảy ra tai nạn hàng hải và cung cấp các chứng cứ liên quan đến tai nạn hàng hải cho cơ quan điều tra.

4. Thuyền trưởng, thuyền viên của tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực và kịp thời cho cơ quan điều tra và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin cung cấp.

Chương II **BÁO CÁO TAI NẠN HÀNG HẢI**

Điều 6. Báo cáo tai nạn hàng hải

1. Báo cáo tai nạn hàng hải gồm Báo cáo khẩn, Báo cáo chi tiết, Báo cáo định kỳ theo quy định tại các Phụ lục I, II và III của Thông tư này.

2. Nội dung báo cáo tai nạn hàng hải phải trung thực, chính xác, đúng thời hạn.

Điều 7. Báo cáo khẩn

1. Báo cáo khẩn thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam, Thuyền trưởng hoặc người có trách nhiệm cao nhất trên tàu thuyền phải gửi ngay Báo cáo khẩn cho Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất. Trường hợp những người này không thực hiện được Báo cáo khẩn thì chủ tàu hoặc đại lý hàng hải của tàu biển bị nạn có trách nhiệm báo cáo.

b) Cảng vụ hàng hải khi nhận được Báo cáo khẩn hoặc biết tin về tai nạn hàng hải xảy ra có trách nhiệm chuyển ngay Báo cáo khẩn hoặc các thông tin đó cho các cơ quan, tổ chức dưới đây:

- Cục Hàng hải Việt Nam;

- Tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải, nếu tai nạn gây hư hỏng, làm mất tác dụng các thiết bị trợ giúp hành hải hoặc ảnh hưởng đến an toàn hàng hải của tàu thuyền;

- Tổ chức, cá nhân quản lý hoặc khai thác các công trình, thiết bị, nếu tai nạn gây hư hỏng, thiệt hại cho các công trình, thiết bị này;

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, nếu tai nạn gây ra hoặc có khả năng gây ra ô nhiễm môi trường hoặc tổn hại nguồn lợi thủy sản.

2. Trường hợp tai nạn hàng hải liên quan đến tàu biển Việt Nam khi hoạt động trong vùng biển của quốc gia khác, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải báo cáo theo yêu cầu của quốc gia ven biển nơi tàu bị tai nạn và gửi Báo cáo khẩn cho Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 24 giờ, kể từ khi tai nạn xảy ra. Nếu tai nạn thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải báo cáo cho cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại quốc gia ven biển nơi tàu bị tai nạn biết để hỗ trợ giải quyết.

3. Trường hợp tai nạn hàng hải liên quan đến tàu biển Việt Nam khi hoạt động ở biển cả, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải gửi Báo cáo khẩn cho Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 24 giờ, kể từ khi tai nạn xảy ra.

4. Báo cáo khẩn có thể được chuyển trực tiếp hoặc gửi bằng các phương thức thông tin liên lạc phù hợp.

5. Đối với tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng, sau khi nhận được Báo cáo khẩn, Cục Hàng hải Việt Nam phải báo cáo ngay cho Bộ Giao thông vận tải.

6. Cục Hàng hải Việt Nam thông báo cho chính quyền tàu mang cờ đối với tai nạn hàng hải xảy ra trong các trường hợp nêu tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

Điều 8. Báo cáo chi tiết

Tiếp theo Báo cáo khẩn, thuyền trưởng phải gửi Báo cáo chi tiết theo thời hạn quy định dưới đây:

1. Trường hợp tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển và vùng nội thủy, Báo cáo chi tiết phải gửi Cảng vụ hàng hải tại khu vực đó trong vòng 24 giờ kể từ khi tai nạn xảy ra.

2. Trường hợp tai nạn hàng hải xảy ra trong lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Thông tư này, sau khi xảy ra tai nạn, tàu vào neo đậu tại vùng nước cảng biển Việt Nam, Báo cáo chi tiết phải gửi Cảng vụ hàng hải tại khu vực đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi tàu vào neo đậu tại vị trí được chỉ định. Trường hợp sau khi xảy ra tai nạn, tàu không vào neo đậu tại vùng nước cảng biển Việt Nam, Báo cáo chi tiết phải gửi Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 48 giờ, kể từ khi tàu hoặc thuyền viên của tàu bị nạn đến cảng ghé đầu tiên.

3. Trường hợp tai nạn hàng hải liên quan đến tàu biển Việt Nam khi hoạt động ở biển cả và vùng biển của quốc gia khác, sau khi xảy ra tai nạn, tàu vào neo đậu tại vùng nước cảng biển Việt Nam, Báo cáo chi tiết phải gửi Cảng vụ hàng hải tại khu vực đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi tàu vào neo đậu tại vị trí được chỉ định. Trường hợp sau khi xảy ra tai nạn, tàu không vào neo đậu tại vùng nước cảng biển Việt Nam, Báo cáo chi tiết phải được gửi Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 48 giờ, kể từ khi tàu đến cảng ghé đầu tiên.

Điều 9. Báo cáo định kỳ

Báo cáo định kỳ thực hiện như sau:

1. Hàng tháng và hàng năm Cảng vụ Hàng hải phải lập báo cáo bằng văn bản và gửi Cục Hàng hải Việt Nam về các tai nạn hàng hải xảy ra theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

2. Hàng tháng, sáu tháng và hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam phải lập báo cáo bằng văn bản và gửi Bộ Giao thông vận tải về các tai nạn hàng hải theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này theo thời hạn quy định dưới đây:

- a) Thời hạn gửi báo cáo tháng: chậm nhất là vào ngày 20 hàng tháng;
- b) Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng: chậm nhất là vào ngày 20 tháng 6 hàng năm;
- c) Thời hạn gửi báo cáo năm: chậm nhất là vào ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Chương III

ĐIỀU TRA TAI NẠN HÀNG HẢI

Điều 10. Mục đích, yêu cầu điều tra tai nạn hàng hải

1. Điều tra tai nạn hàng hải là việc xác định điều kiện, hoàn cảnh, nguyên nhân hay những khả năng có thể là nguyên nhân gây ra tai nạn hàng hải nhằm có những biện pháp hữu hiệu phòng tránh và hạn chế tai nạn tương tự.

2. Điều tra tai nạn hàng hải không nhằm xác định trách nhiệm hay nghĩa vụ pháp lý.

3. Tai nạn hàng hải phải được điều tra đúng quy định, kịp thời, toàn diện và khách quan.

Điều 11. Các trường hợp điều tra tai nạn hàng hải

1. Tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng phải được điều tra.

2. Các tai nạn hàng hải khác có thể được điều tra hay không điều tra do giám đốc cảng vụ hàng hải quyết định. Trường hợp không điều tra, Cảng vụ hàng hải báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 12. Thẩm quyền điều tra tai nạn hàng hải

1. Cục Hàng hải Việt Nam là cơ quan đầu mối tổ chức điều tra đối với các vụ tai nạn hàng hải theo quy định của Thông tư này.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm tổ chức điều tra tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển và tai nạn hàng hải khác do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam giao.

3. Khi nhận được thông tin về tai nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển thuộc khu vực quản lý, Giám đốc Cảng vụ hàng hải phải cử người có chuyên môn nghiệp vụ đến ngay hiện trường xảy ra tai nạn hàng hải và lên tàu kiểm tra hiện trường, xem xét các vị trí làm việc và thu thập các vật chứng cần thiết cho công tác điều tra. Khi tiến hành các công việc này, nhất thiết phải lập biên bản và có sự chứng kiến, xác nhận của người có thẩm quyền trên tàu và tránh ảnh hưởng đến sự vận hành an toàn của tàu. Người được cử đến hiện trường sẽ là thành viên của Tổ điều tra tai nạn hàng hải được quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định tổ chức điều tra tai nạn hàng hải xảy ra ngoài vùng nước cảng biển Việt Nam; Trong trường hợp cần thiết, quyết định tổ chức điều tra tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển Việt Nam.

5. Cơ quan tổ chức điều tra tai nạn hàng hải có trách nhiệm ra quyết định thành lập Tổ điều tra tai nạn hàng hải.

6. Trong quá trình điều tra tai nạn hàng hải, nếu phát hiện có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì Giám đốc Cảng vụ hàng hải hoặc Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam thông báo cho cơ quan điều tra có thẩm quyền và chuyển giao hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến vụ tai nạn hàng hải theo yêu cầu của cơ quan điều tra có thẩm quyền; trước khi chuyển giao, hồ sơ, tài liệu phải được sao y hoặc photocopy để lưu lại phục vụ việc điều tra tai nạn hàng hải; việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu, vật chứng phải lập biên bản bàn giao theo quy định.

7. Đối với tai nạn hàng hải mà các cơ quan khác có thực hiện điều tra theo thẩm quyền, việc điều tra tai nạn hàng hải vẫn được tiến hành theo quy định của Thông tư này.

8. Cục Hàng hải Việt Nam thông báo cho các chính quyền tàu mang cờ về việc điều tra tai nạn hàng hải đối với các tàu nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 2.

9. Giám đốc Cảng vụ hàng hải được tạm giữ tàu biển không quá 05 ngày làm việc để thu thập các chứng cứ phục vụ công tác điều tra. Việc tạm giữ quá thời hạn trên sẽ do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải.

Điều 13. Thỏa thuận điều tra tai nạn hàng hải

Trong trường hợp cần thiết, Cục Hàng hải Việt Nam thỏa thuận điều tra tai nạn hàng hải như sau:

1. Đối với các vụ tai nạn hàng hải liên quan đến tàu nước ngoài, Cục Hàng hải Việt Nam thỏa thuận với Chính quyền hàng hải của quốc gia tàu mang cờ về việc điều tra tai nạn hàng hải phù hợp với điều kiện thực tế và hoàn cảnh, địa điểm xảy ra tai nạn hàng hải.

2. Đối với các vụ tai nạn hàng hải liên quan đến tàu Việt Nam xảy ra ở nước ngoài, Cục Hàng hải Việt Nam thỏa thuận với Chính quyền hàng hải của quốc gia ven biển về việc điều tra tai nạn hàng hải phù hợp với điều kiện thực tế và hoàn cảnh, địa điểm xảy ra tai nạn hàng hải.

3. Trường hợp không thỏa thuận được với Chính quyền hàng hải của quốc gia tàu mang cờ, quốc gia ven biển, tai nạn hàng hải được tiến hành điều tra độc lập theo quy định của Thông tư này.

Điều 14. Tổ điều tra tai nạn hàng hải và thành viên của tổ điều tra tai nạn hàng hải

1. Tổ điều tra tai nạn hàng hải tối thiểu phải có 03 người do một tổ trưởng trực tiếp điều hành, một tổ phó giúp việc và tổ viên do Giám đốc Cảng vụ hàng hải hoặc Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định theo thẩm quyền.

2. Thành viên của Tổ điều tra tai nạn hàng hải phải là người có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật cần thiết đã qua các khóa huấn luyện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ điều tra tai nạn hàng hải

1. Lập kế hoạch điều tra, xây dựng dự toán kinh phí điều tra thực hiện điều tra tai nạn hàng hải theo quy định của Thông tư này và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Kế hoạch điều tra phải được Giám đốc Cảng vụ hàng hải hoặc Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt. Báo cáo bằng văn bản về quá trình điều tra và kết quả điều tra tai nạn hàng hải cho cơ quan có thẩm quyền thành lập Tổ điều tra tai nạn hàng hải.

2. Thông báo bằng văn bản cho thuyền trưởng, chủ tàu và đại lý chủ tàu về việc tiến hành điều tra tai nạn hàng hải. Nội dung thông báo bao gồm những thông tin chính sau đây:

- a) Tai nạn hàng hải được điều tra;
- b) Thời gian và địa điểm cuộc điều tra bắt đầu;
- c) Tên và địa chỉ liên hệ của Tổ điều tra;
- d) Quyền và nghĩa vụ của các bên đối với cuộc điều tra tai nạn hàng hải.

3. Sử dụng trang thiết bị cần thiết để phục vụ điều tra tai nạn hàng hải.

4. Yêu cầu các bên liên quan đến tai nạn hàng hải có biện pháp giữ nguyên hiện trường và bảo vệ các chứng cứ liên quan theo yêu cầu của việc điều tra tai nạn hàng hải.

5. Yêu cầu những người liên quan đến tai nạn hàng hải tường trình bằng văn bản những vấn đề họ biết về điều kiện, hoàn cảnh, diễn biến của tai nạn hàng hải và đối tượng liên quan đến tai nạn hàng hải. Trường hợp cần thiết phải thẩm vấn những người này thì phải thông báo cho họ biết trước về thời gian, địa điểm tiến hành thẩm vấn. Khi cần có thể yêu cầu chủ tàu, người quản lý khai thác tàu bố trí phiên dịch để phục vụ công tác phỏng vấn.

6. Yêu cầu thuyền trưởng, người có trách nhiệm liên quan cung cấp bản sao các nhật ký của tàu, hải đồ khu vực tàu bị nạn và các biên bản, tài liệu cần thiết khác về tàu và trang thiết bị trên tàu.

7. Yêu cầu tổ chức phân cấp và giám sát kỹ thuật tàu, chủ tàu, đại lý, tổ chức thông tin hàng hải, trung tâm phối hợp tìm kiếm - cứu nạn hàng hải, trung tâm điều hành hệ thống giám sát giao thông tàu thuyền, bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác cung cấp thông tin cần thiết để phục vụ điều tra tai nạn hàng hải.

8. Kiểm tra, thu thập bản sao các giấy tờ đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm của tàu, các giấy tờ cần thiết khác có liên quan và các loại chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên để phục vụ điều tra tai nạn hàng hải.

9. Ghi âm, chụp ảnh, ghi hình, khảo sát, trưng cầu giám định và thực hiện những công việc khác nếu thấy cần thiết đối với việc điều tra tai nạn hàng hải.

10. Tổng hợp, xác minh, phân tích, đánh giá và đề xuất kết luận nguyên nhân gây ra tai nạn hàng hải.

11. Lập Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải.

12. Lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu và các vật chứng có liên quan đến tai nạn hàng hải theo đúng quy định.

Điều 16. Thời hạn điều tra tai nạn hàng hải

1. Đối với các tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng biển Việt Nam thì thời hạn điều tra không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tai nạn hàng hải xảy ra.

2. Trong trường hợp phức tạp, nếu việc điều tra tai nạn hàng hải không thể hoàn thành theo thời hạn quy định tại khoản 1 của Điều này, trên cơ sở đề xuất của tổ trưởng Tổ điều tra tai nạn hàng hải, Giám đốc Cảnh vụ hàng hải phải kịp thời báo cáo bằng văn bản cho Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định gia hạn thời gian điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 17. Trình tự thực hiện điều tra tai nạn hàng hải

1. Thành lập Tổ điều tra tai nạn hàng hải;
2. Lập Kế hoạch điều tra tai nạn hàng hải;
3. Lập dự toán kinh phí điều tra tai nạn hàng hải;
4. Thông báo cho các bên liên quan về việc tiến hành điều tra;
5. Phỏng vấn thuyền viên, nhân chứng; Tổng hợp các thông tin thu thập được. Nếu thấy cần thiết có thể tiến hành kiểm tra và phỏng vấn bổ sung để làm rõ những vấn đề còn nghi vấn;
6. Căn cứ quy định của pháp luật về an toàn hàng hải, tiến hành phân tích các thông tin thu thập được, kể cả các kết luận giám định vật mẫu, vết tích liên quan đến tai nạn hàng hải;
7. Lập dự thảo Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải gửi các bên liên quan để góp ý theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;
8. Công bố Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 18. Dự thảo Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải

1. Sau khi lập Dự thảo báo cáo điều tra tai nạn hàng hải, Tổ điều tra gửi một bản dự thảo cho Chính quyền tàu mang cờ, chủ tàu, người quản lý khai thác tàu có liên quan và Cục Hàng hải Việt Nam để góp ý về bản dự thảo báo cáo đó.

2. Tổ điều tra tai nạn hàng hải chỉ áp dụng khoản 1 Điều này nếu chính quyền tàu mang cờ, chủ tàu, người quản lý khai thác tàu có liên quan cam kết không phổ biến, công bố hoặc cho phép tiếp cận dự thảo báo cáo hoặc bất cứ phần nào của báo cáo mà không được sự đồng ý của Tổ điều tra.

3. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày gửi dự thảo, chính quyền tàu mang cờ, chủ tàu, người quản lý khai thác tàu có liên quan có ý kiến đóng góp về bản dự thảo.

Quá thời hạn trên nếu chưa nhận được ý kiến đóng góp, Tổ điều tra tiến hành lập bản Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải cuối cùng.

Điều 19. Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải

1. Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải gồm các thông tin chính sau:

a) Tóm tắt các yếu tố cơ bản của tai nạn hàng hải và nêu rõ số người chết, mất tích, bị thương hoặc tình trạng ô nhiễm môi trường;

b) Thông tin về quốc tịch, chủ tàu, công ty quản lý/khai thác tàu nêu trong giấy chứng nhận quản lý an toàn và tổ chức phân cấp;

c) Các thông số chính của tàu, động cơ của tàu; thông tin về thời gian làm việc, nghỉ ngơi của thuyền viên và các công việc đã thực hiện trước khi xảy ra tai nạn hàng hải;

d) Mô tả chi tiết về hoàn cảnh xảy ra tai nạn hàng hải;

đ) Phân tích, lập luận và chứng minh các yếu tố dẫn đến nguyên nhân của tai nạn hàng hải;

e) Biện pháp xử lý hành chính thuộc thẩm quyền của giám đốc cảng vụ hàng hải hoặc kiến nghị biện pháp xử lý đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với những hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của giám đốc Cảng vụ hàng hải;

g) Đề xuất áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa các tai nạn hàng hải tương tự.

2. Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải phải gửi mỗi bên liên quan một bản chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn điều tra tai nạn hàng hải. Bản sao Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải có thể được cấp cho cá nhân hoặc pháp nhân khác có liên quan trực tiếp đến tai nạn, nếu có yêu cầu bằng văn bản.

3. Bản chụp hồ sơ liên quan đến việc điều tra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng được gửi Cục Hàng hải Việt Nam.

4. Đối với tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng, Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải phải được Tổ điều tra tổ chức dịch sang tiếng Anh; Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm gửi Bộ Giao thông vận tải và Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO).

5. Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam công bố công khai.

Điều 20. Điều tra lại tai nạn hàng hải

Trong trường hợp có những bằng chứng mới được cung cấp hay thu thập được mà những bằng chứng này làm thay đổi cơ bản nguyên nhân của vụ tai nạn hàng hải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định tiến hành điều tra lại vụ tai nạn đó.

Điều 21. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Khiếu nại, tố cáo (nếu có) liên quan đến việc điều tra tai nạn hàng hải sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 22. Kinh phí điều tra tai nạn hàng hải

Kinh phí điều tra các vụ tai nạn hàng hải được sử dụng từ nguồn chi không thường xuyên của Cảng vụ hàng hải.

**Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2012 và thay thế Thông tư số 17/2009/TT-BGTVT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các vụ liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG**Đinh La Thăng**

Phụ lục I
Annex No. I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Người báo cáo: Thuyền trưởng Chủ phương tiện
Reporting person Master Shipowner

Cơ quan nhận báo cáo: Cảng vụ hàng hải.....
Receiving agency Maritime Administration of

BÁO CÁO KHẨN
URGENT REPORT
TAI NẠN HÀNG HẢI
ON A MARINE ACCIDENT

Tên tàu..... Loại tàu..... Hô hiệu.....
Ship's name Type of ship Call sign

Số IMO..... Quốc tịch..... Cảng đăng ký.....
IMO Number Nationality Port of Registry

Thuyền bộ, kể cả thuyền trưởng..... Quốc tịch.....
Ship's crew, including the Master Nationality

Kích thước tàu (L x B x H).....
Ship's dimensions

Tổng dung tích (GT)..... Trọng tải toàn phần, mùa hè (MT).....
Gross tonnage Summer deadweight

Loại tai nạn..... Ngày, giờ xảy ra tai nạn.....
Accident's type Date and local time of occurrence

Vị trí xảy ra tai nạn: Vĩ độ..... Kinh độ.....
Position of occurrence Latitude Longitude

Địa điểm.....
Location

Thời tiết biển khi xảy ra tai nạn:
Marine weather at/around moment of the occurrence

- Hướng và sức gió.....
Wind's direction and force

- Tình trạng mặt biển.....
Sea state

- Tầm nhìn xa.....
Visibility

Thời tiết biển khi báo cáo:
Marine weather at moment of reporting

- Hướng và cấp gió.....
Wind's direction and force

- Tình trạng mặt biển.....
Sea state

- Tầm nhìn xa.....
Visibility

Thiệt hại sơ bộ đối với tàu mình:

Estimated damage to own ship

- Về người:..... chết;..... mất tích;..... bị thương

Human life *dead* *missed* *injured*

- Về tàu, trang bị.....
Damage to ship and equipment

- Về hàng hóa:.....
Damage to cargoes

Thiệt hại sơ bộ đối với các bên khác, nếu biết:

Estimated damage to others, if known

- Về người:..... chết;..... mất tích;..... bị thương

Human life *dead* *missed* *injured*

- Về tàu, trang bị.....
Damage to ship and equipment

- Về hàng hóa:.....
Damage to cargoes

- Về công trình, thiết bị:.....
Damage to marine construction, equipment

Hàng hóa chở trên tàu, kể cả hàng nguy hiểm, độc hại (nếu có):.....
Onboard cargoes, including dangerous and harmful cargoes (if any)

Tên cảng ghé lần cuối:..... ngày, giờ rời cảng.....
Last port of call *Date, time of departure*

Tên cảng tới:..... ngày, giờ dự kiến đến.....
Next port of call *Date, ETA*

Các yêu cầu hỗ trợ đã phát đi từ tàu.....
Dispatched assistance required

Các yêu cầu đã được đáp ứng.....
Assistance rendered

Hiểm nguy đối với người, tàu, môi trường.....
Dangers to human, ship, environment

Tên, địa chỉ liên lạc của:
Name, address of

- Chủ phương tiện hay Người khai thác tàu:

Shipowner or Ship operator

- + Tên đầy đủ:
Full name
- + Địa chỉ:
Address:
- + Điện thoại:
Telephone number:
- + Số Fax:
Telefax number
- + E-mail:
Email address:
- Người bảo hiểm P & I:
P&I Club
- + Tên đầy đủ:
Full name:
- + Địa chỉ:
Address:
- + Điện thoại:
Telephone number:
- + Số Fax:
Telefax number:
- + E-mail:
Email address
- Đại lý tàu tại Việt Nam:
Ship's agent in Vietnam:
- + Tên đầy đủ:
Full name:
- + Địa chỉ:
Address:
- + Điện thoại:
Telephone number:
- + Số Fax:
Telefax number:
- + E-mail:
Email address:

Họ tên, quốc tịch của thuyền trưởng:
Master's name and nationality

....., ngày..... tháng..... năm 20.....
date month year

Tên và chữ ký của người báo cáo
Name and signature of reporting person

Phụ lục II**Annex No. II**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO CHI TIẾT
DETAILED REPORT
TAI NẠN HÀNG HẢI
ON A MARINE ACCIDENT

MỘT SỐ LƯU Ý**SOME NOTES**

1. Thuyền trưởng hoặc người được chỉ định phải ký vào Báo cáo này. Tuy nhiên, Chủ phương tiện cũng có thể sử dụng Mẫu

The form shall be signed by the Master or an authorized person. The Shipowner may, however, also use the form of the detailed report.

2. Dùng CHỮ IN hoặc máy chữ để điền biểu Báo cáo.

The form shall be filled in with CAPITAL LETTERS/typewriter

3. Báo cáo này được chia làm Phần chung (A) và các phần sử dụng cho từng loại tai nạn cụ thể (từ B đến J)

The form is divided in a general part (A) and a part which shall be used for the occurrence in question (B-J)

4. Luôn phải điền Phần A; hàng hóa nguy hiểm được phân loại theo Bộ luật IMDG (mục 35) cũng phải liệt kê trong mọi trường hợp bất kể tai nạn là loại nào. Phần từ B-J được sử dụng cho từng loại tai nạn cụ thể.

Part A shall always be filled in; IMDG-classed goods shall always be listed regardless of accident type (item 35) Part B-J shall be filled in for the accident/occurrence in question.

5. Trên tàu biển Việt Nam phải luôn sẵn có biểu Báo cáo này. Tàu nước ngoài do Đại lý của tàu cung cấp.

This form should always be available onboard the Vietnamese vessels. For foreign vessels, it should be provided for by the Local Agent.

6. Báo cáo này sau khi được hoàn thiện và các bản trích, sao Nhật ký tàu, Nhật ký dầu, Nhật ký làm hàng; Danh sách thuyền viên; bản sao các bản ghi tự động và các giấy tờ liên quan khác được trình cho:

The completed form and extracts of the log books, copies or extracts of oil record or cargo record book, crew list, copies of automatic records and other relevant documents shall be submitted to:

- Cảng vụ hàng hải có liên quan trong thời hạn như sau:

- The relevant Maritime Administration within a time-limit as follows:

+ Trong vòng 24 giờ kể từ khi tai nạn xảy ra, nếu tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải ở Việt Nam;

+ *24 hours from the moment of occurrence, if the accident occurred within a Port waters or navigable areas in Viet Nam;*

+ Trong vòng 24 giờ kể từ khi đến cảng biển Việt Nam, nếu tai nạn xảy ra ngoài phạm vi vùng nước cảng biển và sau khi xảy ra tai nạn tàu ghé vào một cảng biển Việt Nam.

+ *24 hours from the moment of arrival at a Vietnamese port, if the accident occurred outside the Port waters and after the occurrence the vessel in question called at the port.*

- Cục Hàng hải Việt Nam (Số 8 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Fax: 84.4.37683058) trong vòng 48 giờ kể từ khi đến cảng ghé đầu tiên ngoài Việt Nam nếu tai nạn xảy ra trong các vùng biển Việt Nam và sau khi xảy ra tai nạn, tàu được phép tiếp tục hành trình.

- *The Viet Nam Maritime Administration (No. 8 Pham Hung road, Cau Giay district, Ha Noi, Viet Nam; Fax: 84. 4.37683058) within 48 hours from the moment of arrival at first port outside the Viet Nam, if the accident occurred in Vietnamese waters and after the occurrence the vessel in question was permitted to continue the voyage;*

- Cục Hàng hải Việt Nam (Số 8 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Fax: 84.4.37683058) trong vòng 48 giờ kể từ khi đến cảng biển nước ngoài, nếu tai nạn liên quan đến tàu biển Việt Nam và xảy ra ngoài phạm vi các vùng biển Việt Nam.

- *The Viet Nam Maritime Administration ((No. 8 Pham Hung road, Cau Giay district, Ha Noi, Viet Nam; Fax: 84. 4.37683058) within 48 hours from the moment of arrival at first foreign port, if a Vietnamese vessel involved in the accident occurred outside the Vietnamese waters.*

7. Báo cáo phải được điền đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, ví dụ:

The form must be completely filled in as requested, for example:

a) Trong trường hợp đâm va thì phải điền phần A và B;

In case of collision, both A and B shall be filled in

b) Trong trường hợp hỏng máy gây ra đâm va thì phải điền phần A, B và F

If engine failure has caused the collision, A, B and F shall be filled in

Ngoài ra, cần tham khảo một số từ vựng tiếng Anh liên quan đến các mục phải khai báo ở trang sau.

TERMS WHICH SHALL BE USED

*Items 29, 30 and 31***Type of cargo**

Empty	Liquid chemicals
Ballast	Passenger(also ferries)
Dry cargo-general cargo-container	Fish and fish products
Bulk (ore, coal, grain, etc)	Refrigerated cargo
Oil - oil products	Cars
Gas (LPG, LNG)	Trailers
	Unknown

*Item 40***Type of waters/fairways**

At quay, in dock, etc
 Within the harbor area
 Channel, river, buoyaged fairway
 Narrow fairway (along the coast)
 Traffic separation zone
 Coastal waters
 Outer coastal waters
 Open sea
 Oil exploration area
 Other

Ship activities

Laid up
 At the workshop
 At quay
 At anchor
 At the cargo buoy
 Drilling work
 At an installation (oil terminal, etc)
 Arrival to port
 Departure from port
 At sea
 Fishing
 Sea survey
 Dredging
 Ice breaking

*Item 41***Main activities on board**

Storage	Drilling
Maintenance/repair in machinery spaces	Handling of fishing equipment
Other maintenance work	Trawling
Cleaning/preparation or similar of cargo holds/tanks	Dredging
Mooring/Preparation for departure	Sea survey
	Normal sea voyage (routine work)

Anchor handling/anchoring
Safety drills/training
Tests
Stationary

Icebreaking
Other (indicate what)

Item 45

Type of accident

An accident at sea may include several occurrences. In such cases the occurrences in question shall be recovered in chronological order.

EXAMPLE

An engine failure causes collision and the ship capsized.

This is recorded: engine failure - collision - capsizing

BÁO CÁO CHI TIẾT TAI NẠN HÀNG HẢI
Detailed report on a Maritime accident

A. PHẦN CHUNG (điền trong tất cả các trường hợp)

A. GENERAL PART (to be filled in for all types of accidents)

1 CÁC THÔNG SỐ CỦA TÀU SHIP'S DATA	Tên tàu <i>Ship's name</i>		Hô hiệu <i>Signal letters</i>		Cảng đăng ký <i>Port of registry</i>		Quốc tịch <i>Nationality</i>				
	Loại tàu <i>Ship's type</i>		Năm đóng <i>Year of build</i>		Vật liệu đóng <i>Materials</i>		Năm hoán cải, nếu có <i>Year of conversion, if available</i>				
	Dung tích <i>Tonnage</i>	Toàn phân <i>Gross</i>	Tĩnh <i>Net</i>	Trọng tải <i>Dwt</i>	Mùa hè SUMMER		Mớn nước <i>Draught</i> m(mét)	Trọng tải <i>Dwt</i>	Mùa đông WINTER		Mớn nước <i>Draught</i> m(mét)
	Các kích thước <i>Dimensions</i>		Chiều dài <i>Length</i>	Chiều rộng <i>Width</i>	Máy chính <i>Main Engine</i>	Sản xuất tại <i>Maker</i>	Loại <i>Type</i>	Công suất máy <i>Engine power</i> (kW)			
	Cơ quan phân cấp <i>Class</i>	Dấu phân cấp <i>Class designation</i>	Cấp đi băng <i>Ice class</i>	Bảo hiểm thân tàu <i>Hull insurance</i>		Công ty bảo hiểm <i>Insurance company</i>		P&I			
	Lần kiểm tra phân cấp gần nhất, địa điểm và thời gian <i>Latest Class survey, Place and date</i>				Khiếm khuyết <i>Deficiencies</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Nêu lý do của các khiếm khuyết <i>Indicate the reason for the deficiencies</i>				
	Lần kiểm tra PSC gần nhất, địa điểm và thời gian <i>Latest PSC inspection, Place and date</i>				Khiếm khuyết <i>Deficiencies</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>						
	Lần kiểm tra gần nhất các thiết bị cứu sinh và cứu hỏa <i>Latest inspection of fire and life-saving equipment</i>		do PSCO <i>by PSCO</i> độ cơ quan phân cấp <i>by the class</i>		do thuyền bộ <i>by the crew</i>		Tàu có đáy đôi không? <i>Has the ship double bottom below the cargo spaces?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>				
Lần lên đà gần nhất <i>Latest docking</i> Địa điểm và thời gian <i>Place and date</i>					Tình trạng của đáy tàu tại lần lên đà gần nhất. <i>The quality of ship's bottom at the latest docking</i>						
Lần vệ sinh gần nhất <i>Latest cleaning of</i> Ngày <i>Date</i>		đáy tàu <i>ship's bottom</i>		hàng hàng <i>cargo spaces</i>		kết chõ hàng <i>cargo tanks</i>		kết ballast <i>ballast tanks</i>			

Có giá trị đến
Valid until

Có giá trị đến
Valid until

11 GIẤY CHỨNG CHỈ CỦA TÀU SHIP'S CERTIFICATES	Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển <i>Certificate of Registry</i>		Giấy chứng nhận an toàn <i>Safety certificates</i>		Tàu khách <i>Passenger ship</i>		
					Ngày <i>Date</i>		
	Giấy chứng nhận an toàn tàu khách <i>Passenger ship safety certificates</i>				Kết cấu <i>Construction</i>		Trang thiết bị <i>Equipment</i>
					Ngày <i>Date</i>		Ngày <i>Date</i>
	Vận chuyên khí hóa lỏng <i>Transport of liquified</i>				Vô tuyến điện báo <i>Radiotelegraphy</i>		Vô tuyến điện thoại <i>Radiotelephony</i>
					Ngày <i>Date</i>		Ngày <i>Date</i>
	Vận chuyên hóa chất lỏng <i>Transport of liquid chemicals</i>				Giấy chứng nhận miễn trừ <i>Exemption certificate</i>		Ngày <i>Date</i>
Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu của tàu không phải là tàu dầu <i>Oil pollution Prevention Certificate of ship other than oil tankers</i>				Bè cứu sinh <i>Liferafts</i>		Ngày <i>Date</i>	
Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu của tàu dầu <i>Oil pollution Prevention Certificate of oil tankers</i>				kiểm tra định kỳ hàng năm <i>annual inspection</i>			
				Các giấy chứng nhận khác <i>Other certificates</i>		Ngày <i>Date</i>	

		Giấy CN mạn khô <i>Load line</i>	Quốc gia <i>National</i>	Quốc tế <i>International</i>	Bảng độ lệch <i>Deviation table</i>	Vô tuyến tầm phương <i>Radio direction finding</i> Ngày tháng <i>date</i>	La bàn từ <i>Magnetic compass</i> Ngày tháng <i>date</i>			
12		Khu vực hoạt động theo các Giấy chứng nhận <i>Trade area according to Certificates</i>								
13	GHI CHÉP TRÊN TÀU <i>RECORDING ON BOARD</i>	Duy trì trên tàu <input type="checkbox"/>	Nhật ký tàu <i>Ship log book</i> <input type="checkbox"/>	Bản nháp <i>Rough draft</i> <input type="checkbox"/>	Số lệnh đêm buồng lái <i>Night orderbook bridge</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký điều động máy từ buồng lái <i>Engines manoeuvres book bridge</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký VTĐ <i>Radio log book</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký dầu <i>Oil record book</i> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
		<i>Onboard is kept</i>	Nhật ký buồng máy <i>Engine room log book</i> <input type="checkbox"/>	Bản nháp <i>Rough draft</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký điều động máy <i>Manoeuvres log engine</i> <input type="checkbox"/>	Số nhật ký trực <i>Working hour log book</i> <input type="checkbox"/>	Số nhật ký phát thuốc <i>Dispensary log</i> <input type="checkbox"/>		Không ghi <i>No recording</i> <input type="checkbox"/>	
14		Tự động ghi <i>Automatic recording by</i>		Hướng <i>Course recording diagram</i> <input type="checkbox"/>	Điều động <i>Manoeuvring recording diagram</i> <input type="checkbox"/>	Bảng ghi độ sâu <i>Echo sounding recording diagram</i> <input type="checkbox"/>	Thiết bị ghi dữ liệu hành trình <i>Voyage Data Recorder "VDR"</i> <input type="checkbox"/>	Không ghi <i>No recording</i> <input type="checkbox"/>		
15	THUYỀN VIÊN/ HÀNH KHÁCH <i>MANNING/ PASSENGERS</i>	GCN Định biên an toàn tối thiểu <i>Minimum safe Manning document</i> Ngày <i>Date</i>	Thuyền trưởng <i>Master</i>	Các sỹ quan boong <i>Mates</i>	Các sỹ quan máy <i>Engineers</i>	VTĐ <i>Wireless operator</i>	Thủy thủ <i>Deck crew</i>	Thợ máy <i>Engine crew</i>	Những người khác <i>Other personnel</i>	Tổng <i>Total</i>
16		Số thuyền viên theo GCN <i>Crew number according to decision</i>								
17		Thuyền viên trên tàu lúc tai nạn <i>Manning on board at the accident</i>								
18		Tất cả thuyền viên có được đăng ký và thông báo cho cơ quan đăng ký thuyền viên hay không? <i>Were all signed on and reported to the register of seafarers?</i> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> <i>Yes No</i>			Số hành khách <i>Number of passengers</i>	Số thuyền viên <i>Number of crew</i>				
19		Nêu rõ tại sao lại giảm số thuyền viên, nếu có <i>Indicate why the crew was reduced, if applicable</i>								

	NĂNG LỰC CỦA THUYỀN VIÊN <i>CREW COMPETENCY</i>	Trực ca <i>On watch</i> Ngày <i>Date</i>	Chức danh <i>Rank</i>	Tuổi <i>Age</i>	GCN Khả năng chuyên môn <i>Certificates of competence</i>	Thời gian đi biển với chức danh sỹ quan <i>Time at sea as officer</i>	Thời gian đi biển với chức danh hiện tại <i>Time at sea in present rank</i>	Ngày lên tàu đảm nhiệm chức danh hiện tại <i>Entered the rank onboard date</i>
20		Thuyền trưởng <i>Master</i>						
21		Sỹ quan trực ca boong <i>Watchkeeping officer deck</i>						
22		Sỹ quan trực ca buồng máy <i>Engineer on watch or on duty</i>						

		Các thuyền viên trực ca khác <i>Other crew members on duty</i>			Nhiệm vụ được giao <i>Work assignment</i>	Thời gian đi biển <i>Time at sea</i>		
23		Như trên <i>Ditto</i>						
24		Có miễn trừ nào về tiêu chuẩn chuyên môn không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Was there an exemption for the qualifications? Yes No</i> Nêu rõ miễn trừ <i>Indicate which</i>						

	GIỜ LÀM VIỆC <i>WORKING HOURS</i>	SỐ GIỜ LÀM VIỆC TRƯỚC KHI XẢY RA TAI NẠN <i>WORKING HOURS BEFORE THE ACCIDENT</i>				Số giờ đã trực khi tai nạn xảy ra <i>Hours on watch when the accident occurred</i>	HỆ THỐNG TRỰC CA <i>WATCH SYSTEM</i>
		24 tiếng trước <i>Last 24 hours</i>	48 tiếng trước <i>Last 48 hours</i>	Tuần trước <i>Last week</i>			
25	Thuyền trưởng <i>Master</i>					<input type="checkbox"/> Hệ thống trực 2 ca <i>Two watch system</i>	
26	Sỹ quan boong <i>Deck officer</i>					<input type="checkbox"/> Hệ thống trực 3 ca <i>Three watch system</i>	
27	Sỹ quan máy <i>Engineer</i>					<input type="checkbox"/> Khác <i>Other</i>	
28	Các thuyền viên trực ca khác <i>Other crew members on duty</i>					<input type="checkbox"/> Không có <i>No watch system</i>	

Khối lượng ghi theo tấn hệ mét
Weight shall be given in metric tonnes

29	TÌNH TRẠNG HÀNG HÓA <i>CARGO CONDITION</i>	Loại hàng hóa trên tàu <i>Type of cargo on board</i>				Loại hàng hóa chở trong chuyến trước <i>Type of cargo the voyage before</i>			
		Phân bố hàng hóa (loại và khối lượng trong các hầm hàng/trên boong) <i>Cargo location (type and weight in cargo holds/on deck)</i> Kèm theo sơ đồ xếp hàng <i>Attach a cargo plan</i>							
30		Hầm/Két Số <i>Hold/Tank No</i>	Hầm/Két Số <i>Hold/Tank No</i>	Hầm/Két Số <i>Hold/Tank No</i>	Hầm/Két Số <i>Hold/Tank No</i>	Hầm/Két Số <i>Hold/Tank No</i>	Hầm/Két Số <i>Hold/Tank No</i>	Hầm/Két Số <i>Hold/Tank No</i>	
		Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	
		Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	Loại <i>Type</i>	
31		Hàng trên boong <i>Deck cargo</i>	Tại nắp hầm số <i>At hatch no</i>	Tại nắp hầm số <i>At hatch no</i>	Tại nắp hầm số <i>At hatch no</i>	Các vị trí khác, nếu có <i>Other location of cargo, if applicable</i>			
		Loại hàng trên boong <i>Type of deck cargo</i>							
		Loại hàng trên boong <i>Type of deck cargo</i>							

		Chiều cao của hàng trên boong <i>Height of deck cargo</i>												
			Két Tank	Khối lượng weight	Két Tank	Khối lượng weight	Két Tank	Khối lượng weight	Két Tank	Khối lượng weight	Két Tank	Khối lượng weight	Mức tiêu thụ/ 24 giờ đi biển <i>Consumption per 24 hours at sea</i>	Kết sử dụng gần nhất <i>Lastest from tank no</i>
32		Dầu bôi trơn <i>Lube oil</i>												
33		Nước ngọt <i>Fresh water</i>												
34		Nước dẫn <i>Ballast</i>												
		Có chở hàng nguy hiểm không? <i>Is dangerous goods carried?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Nếu có, nêu loại theo IMDG (hàng hóa được đóng gói), loại hàng hóa và loại đóng gói/chuyên chở (kèm theo danh sách, sơ đồ xếp hàng hoặc sơ đồ các két) <i>If yes, indicate IMDG-class (packaged goods) type of goods and type of cargo carrier/package (attach list, cargo plan or cargo tank plan)</i>										
35		Hàng hóa được phân cách phù hợp với IMDG <input type="checkbox"/> <i>The goods is separated in accordance with code IMDG</i> Thỏa thuận Baltic <input type="checkbox"/> <i>The Baltic Sea agreement</i>												
36		Tổng cộng <i>Total</i>	Hàng hóa <i>Cargo</i>	Nhiên liệu <i>Bunkers</i>	Nước ngọt <i>Fresh water</i>	Nước dẫn <i>Ballast</i>	Tổng cộng <i>Total</i>	% đầy tải <i>Load in % of full load</i>						
37		Mớn nước mũi <i>Draught fwd</i>	Mớn nước lái <i>Draught aft</i>	Mớn nước giữa tàu <i>Draught amidship</i>	Mạn phải <i>Stb</i>	Mạn khô <i>Meassured freeboard</i>	Mạn trái <i>Prt</i>	Tỷ trọng nước khi đọc mớn <i>Water density at draught reading</i>						
		Tại lúc khởi hành <i>At departure was</i>	Nghiêng <i>List</i> <input type="checkbox"/> Stb <input type="checkbox"/> Prt	Độ nghiêng <i>Degrees</i>	Lý do nghiêng <i>Reason for the list</i>									
		Mômen uốn võng <i>Sagging moment</i>	Mômen uốn võng <i>Hogging moment</i>	Chiều cao tâm nghiêng tính toán <i>Calculated GM</i>	Cánh tay đòn ổn định lớn nhất <i>Maximum righting arm</i>	Có tính toán ổn tính không? <i>The stability calculations are carried out</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>								
38		Lúc bắt đầu chuyến đi, hàng hóa được chằng buộc bởi <i>At the start of the voyage, the cargo was secured by</i>		Thuyền viên <i>Crew</i>	Việc chằng buộc được giám sát bởi <i>The securing of the cargo was controlled by</i>									
				Công nhân bốc dỡ <i>Stevedores</i>										
39	THỰC TẬP CỨU HỎA/ CỨU SINH <i>FIRE/LIFE SAVING DRILLS</i>	Nêu thời gian và địa điểm của lần thực tập cứu hỏa và cứu sinh được ghi trong nhật ký tàu <i>Indicate place and date for the lastest fire and life-saving drills with reference to the ship's log</i>												
		Địa điểm <i>Place</i>	Ngày <i>Date</i>	Trang <i>Page</i>	Mức độ huấn luyện <i>Extent of the training</i>									

40	CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI	Vùng nước <i>Type of waters</i>						Các hoạt động của tàu <i>Activities of the ship</i>					
41		Các hoạt động chính trên tàu <i>Main activities on board</i>											
42	EXTERNAL FACTORS	Hướng <i>Direction</i>	Gió <i>wind</i>	Sức gió <i>Strength</i>	Hướng <i>Direction</i>	Sóng <i>wave</i>	Chiều cao <i>Height</i>	Hướng <i>Direction</i>	Sóng lừng <i>Swell</i>	Chiều cao <i>Height</i>	Hướng <i>Direction</i>	Dòng chảy <i>Current</i>	Tốc độ <i>Speed</i>
43		Mưa <i>Precipitation</i>	Loại <i>Type</i>	Sương mù <i>Fog</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> không <i>Yes No</i>	Tầm nhìn xa, hải lý <i>Visibility in nautical miles</i>	Có băng hay không <i>Presence of ice</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Nhiệt độ không khí <i>Air temperature</i>	Nhiệt độ nước biển <i>Sea water temperature</i>					
44	LJUS <input type="checkbox"/> Ban ngày <i>Daylight</i> <input type="checkbox"/> Đêm <i>Darkness</i> <input type="checkbox"/> Bình minh/Hoàng hôn <i>Dawn/Dusk</i>						Nếu có, loại băng <i>If yes, type of ice</i>						

45	HƯ HỎNG	Loại tai nạn <i>Type of accident</i>		Địa điểm <i>Place</i>		Ngày <i>Date</i>		Giờ GMT <i>GMT</i>		Giờ địa phương <i>Local time</i>		
46		DAMAGES Vị trí <i>Position</i>										
47	Cảng rời <i>Departure port</i>			Ngày rời <i>Departure date</i>		Thời gian rời <i>Time</i>		Cảng đích <i>Destination</i>				
48	Cảng đến đầu tiên sau tai nạn <i>First port after the accident</i>			Ngày đến <i>Arrival date</i>		Thời gian đến <i>Time</i>						
49	Tàu đến cảng đầu tiên sau tai nạn bằng máy chính của tàu hay không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Did the ship proceed to the first port using its own propulsion engines? Yes No</i>											
50	Báo cáo hư hỏng (loại hư hỏng và các biện pháp áp dụng), nếu có thể thì nêu cả hậu quả, ví dụ: thời gian bị mất, lên đà, v.v... <i>Damage report (type of damages and measures taken) indicate, if possible, the consequence, e.g: lost time, docking, ect.</i>											
51				Thuyền viên <i>Crew</i>		Hành khách <i>Passengers</i>		Những người khác trên tàu <i>Others on board</i>		Những người khác không ở trên tàu <i>Others not on board</i>		Tổng số <i>Total</i>
	Số người <i>Number of persons</i>		Bị thương <i>Injured</i>									
	Mất tích <i>missing</i>		Chết <i>Dead</i>									
	Tên, địa chỉ và người thân gần nhất của người bị chết <i>Indicate name, address and nearest relative to the dead person</i>											

B. Điền trong trường hợp tai nạn gớt mắc cạn và/hoặc đm va

(Nếu các thiết bị nêu sau đây không được lắp đặt trên tàu thì viết “không” vào cột ghi chú)

B. To be filled in when the accident caused grounding and/or collision (If the indicated instrument is not installed on board: write “no” in the remark column)

	CÁC THIẾT BỊ TRỢ GIÚP HÀNH HẢI <i>AIDS TO NAVIGATION</i>			Hãng sản xuất/loại <i>Manufacture/type</i>	Tình trạng <i>Condition</i>	Đang sử dụng lúc xảy ra tai nạn <i>In use at accident</i>	Ghi chú <i>Remarks</i>
53	Rada <i>Radar</i>	1					
		2					
		3					
54	ARPA <i>ARPA</i>	1					
		2					
55	La bàn con quay <i>Gyro compass</i>	1					
		2					
56	La bàn từ <i>magnetic Compass</i>	1					
		2					
57	Máy lái tự động <i>Automatic pilot</i>	1					
		2					
58	Bộ ghi hướng đi <i>Course recorder</i>						
59	Thiết bị báo động lệch hướng <i>Course deviation alarm</i>						Nối với <i>Coupled to</i>
60	Máy đo sâu <i>Echo-sounding device</i>						
61	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS) <i>Global positioning system</i>						
62	Hệ thống nhận dạng tự động (AIS) <i>Automatic identification system</i>						
63	Hệ thống nhận dạng tầm xa (LRIT) <i>Long range tracking</i>						
64	Thiết bị ghi dữ liệu hành trình (VDR) <i>Voyage data recorder</i>						
65	Các thiết bị trợ giúp hành hải khác <i>Other aids to navigation</i>						
66	Bộ phát tín hiệu sương mù <i>Fog signal apparatus</i>						Vị trí <i>Location</i>

	HẢI ĐỒ VÀ CÁC ẮN PHẨM HÀNG HẢI CHO CHUYÊN ĐI DỤ ĐÌNH		Quốc gia <i>nationality</i>	Số <i>number</i>	Năm in <i>year of print</i>	Ngày tu chỉnh, được dán hoặc in <i>correction date, stamped or printed</i>	Ngày tu chỉnh gần nhất trên tàu <i>lastest correction on board</i>	Được sử dụng lúc xảy ra tai nạn (có hoặc không) <i>Was used at the accident (yes or no)</i>
67	ĐI DỤ ĐÌNH	Hải đồ <i>Chart</i>	Tỷ lệ <i>Scale</i>					
68	CHARTS AND NAUTICAL PUBLICATIONS ON BOARD FOR INTENDED VOYAGE	Danh bạ đèn biên <i>List of lights</i>						
69		Hàng hải chỉ nam <i>Sailing directions</i>						
70		Bảng thủy triều <i>Tide tables</i>						
71		Bảng/bản đồ dòng chảy <i>Current maps/table</i>						
72		"Các tín hiệu vô tuyến" <i>"Radio signals"</i>						
		Các loại khác <i>Others</i>						
73	Nêu các lỗi trong các ấn phẩm nêu trên được xem là có ảnh hưởng đến tàu <i>Indicate faults in the above-mentioned publications which are considered to effect to ship</i>							
74	Có nhận được các Thông báo hàng hải thường xuyên không? <i>Is Ufs (NtM) received regularly?</i>					Số và ngày của Thông báo hàng hải gần nhất <i>Number and date of the lastest Ufs (NtM)</i>		
75	THUYỀN VIÊN TRÊN BUỒNG LÁI	Ai ở trên buồng lái? <i>Who was on the bridge?</i>						
76	BUỒNG LÁI TRƯỚC VÀ TẠI LÚC XẢY RA ĐÂM VA/MẮC CẠN	Người trực ca có nhiệm vụ nào khác vào khi và trước khi xảy ra tai nạn không? Nếu có, thì là nhiệm vụ gì <i>Had anybody who belonged to the watch other duties at or before the accident? If yes, which?</i>						
77		Ai chịu trách nhiệm trên buồng lái? <i>Who was responsible on the bridge?</i>				Thuyền trưởng lúc đó ở đâu? <i>Where was the master?</i>		
78	MANNING ON THE BRIDGE AT AND BEFORE THE COLLISION/ GROUNDING	Ai đang trực trên buồng lái? <i>Who were on watch on the bridge?</i>				Những người liên quan có am hiểu vùng nước này không? <i>Were the persons concerned familiar with the the waters?</i>		
79		Có hoa tiêu ở trên tàu không? <i>Was there a pilot on board?</i>				Hoa tiêu có am hiểu loại tàu này không? <i>Was the pilot familiar with the ship type?</i>		
80		Ai vận hành ra đa số? <i>Who operated the radar No.?</i>	Ai vận hành ra đa số <i>Who operated the radar No.</i>	Ra đa số 1 sử dụng thang tầm xa nào <i>Which scale was used for radar No. 1</i>		Ra đa số 2 sử dụng thang tầm xa nào <i>Which scale was used for radar No. 2</i>		
81		Ra đa đã được sử dụng ở chế độ định hướng nào? <i>How were the radars used?</i> <input type="checkbox"/> Bắc thật <input type="checkbox"/> Tương đối <i>North up Ralative</i>				<input type="checkbox"/> Chuyển động thật <input type="checkbox"/> Chuyển động tương đối <i>True motion Ralative motion</i>		
82		Người canh giới đứng ở đâu? <i>Where was the look-out?</i>				Người canh giới có nhiệm vụ nào khác không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Had the look-out other duties ? Yes No</i> Chỉ rõ nhiệm vụ gì <i>Indicate which</i>		

83		Nêu lái tay, ai là người lái? <i>At manual steering, who was at the helm?</i>	Nêu lái tự động, ai là người giám sát? <i>At use of automatic pilot, who supervises it?</i>					
84		Đội với buồng máy có người trực, ai là người trực ca? <i>At manual engine room, who was on watch?</i>	Nếu máy chính được điều khiển từ buồng lái, ai là người vận hành? <i>At manoeuvring of the main engine from the bridge, who operated?</i>					
		Đội với buồng máy không có người trực, ai là người chịu trách nhiệm? <i>At unattended engine room, who was on responsibility?</i>						
85		Tầm nhìn từ buồng lái có ảnh hưởng gì tới quá trình diễn biến các sự kiện không? <i>Had the visibility from the bridge any influence on the course of events?</i> Nêu thông tin chi tiết <i>Give detailed information</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Hệ thống buồng lái có gây cản trở sự tập trung đôi với hành hải an toàn không? <i>Did the bridge arrangement obstruct the navigator from having full?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i> attention to safe navigation (Vị trí của các hải đồ, VHF, v.v...) (Location of charts, VHF, etc) Nêu thông tin chi tiết <i>Give detailed information.</i>					
86	HÀNH HẢI TRƯỚC KHI ĐÂM VÀ MẮC CẠN	Các hướng đi, khoảng cách an toàn.v.v... theo kế hoạch chuyến đi có được thể hiện trên hải đồ không? <i>Was voyage plan with courses laid in the chart, safety distance, etc, established?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Có tuân theo kế hoạch không? <i>Was the plan followed?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Hành hải có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động giao thông khác không? <i>Was the navigation influenced by other traffic?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>				
87	SAILING BEFORE THE COLLISION/ GROUNDING	Các điều kiện cấu thành tai nạn <i>Circumstances which contributed to the accident</i>						
88		Vị trí an toàn cuối cùng trước khi xảy ra tai nạn <i>Last safe position before the accident</i>	Ngày <i>Date</i>	Thời gian <i>Time</i>	Chỉ số t. độ kế <i>Speed log</i>	Vị trí <i>Position</i>		
89		Vị trí đó đã được xác định như thế nào? <i>How was that position fixed?</i>						
		Vị trí tính toán được thao tác từ vị trí xác định gần nhất <i>Dead-reckoning from the lasted fixed position</i>						
		Từ thời gian <i>From time</i>	Hướng lái la bàn con quay/từ <i>Steered course gyro/magn.</i>	Hướng lái thật <i>Steered true course</i>	Hướng đi thật <i>Sailed true course</i>	T. độ kế Tốc độ <i>Log Speed</i>	Khoảng cách <i>Distance</i>	Lệch hướng <i>Drift of course</i> Hướng Tốc độ <i>Direction Speed</i>
90								
91		Các hướng ngắm và quan trắc khác đã thực hiện <i>All bearing and other observations taken</i>						
92		Tốc độ bình thường của tàu <i>The ships normal speed</i>	Nửa máy <i>Half</i>	Hết máy <i>Full</i>	Tốc độ trước lúc xảy ra tai nạn <i>Speed before the accident</i>	Tốc độ vào thời điểm va <i>Speed at the moment of impact</i>		
		Chậm máy <i>slow</i>						
93		Các thông tin khác <i>Other information:</i> Lần xác định độ lệch hướng gần nhất: <i>Lasted deviation observation:</i>						

CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TÍN HIỆU VÀ ĐIỀU ĐỘNG LÚC ĐÂM VÀ		Các mục từ 93 đến 107 được điền khi tàu liên quan đến đâm va <i>Items 93 to 107 shall be filled in when the ship has been involved in a collision</i>				
94	INFORMATION ON SIGNALS AND MANOEUVRES AT COLLISIONS	Khi nào thì phát hiện được tàu kia? <i>When was the other ship detected?</i>		Thời gian <i>Time</i>		
95		Đối tượng đâm va được phát hiện như thế nào? <i>How was the collision object detected?</i> <input type="checkbox"/> Mắt thường <input type="checkbox"/> Trên radar <i>Visual On radar</i> <input type="checkbox"/> Bằng âm hiệu <i>By sound signal</i>		Phương vị khoảng cách <i>Bearing Distance</i>	Phương vị và khoảng cách được xác định như thế nào? <i>How was bearing and distance ascertained?</i> <input type="checkbox"/> Quang cụ <input type="checkbox"/> Trên radar <i>Optical bearing Radar</i> <input type="checkbox"/> Ước lượng <i>Estimated</i>	
96		Tàu mình <i>Own ship's</i>	Hướng <i>Course</i>	Tốc độ <i>Speed</i>	Đồ giải tránh và Radar được thực hiện trên: <i>Radar plotting carried out assisted by</i> <input type="checkbox"/> Giấy <input type="checkbox"/> Mặt đồ giải phân xạ <input type="checkbox"/> ARPA <i>Diagram Reflection plotter ARPA</i> <input type="checkbox"/> Không đồ <i>No plotting</i>	
97		Nguy cơ va chạm được phát hiện khi nào và như thế nào? <i>When and how was the collision risk detected?</i>			Tàu đã điều động như thế nào để tránh va? <i>What manoeuvres were made by own ship?</i> <input type="checkbox"/> Thay đổi tốc độ <input type="checkbox"/> Thay đổi hướng <i>Speed change Course change</i> <input type="checkbox"/> Không làm gì <i>No</i>	
98		Tàu có phát tín hiệu âm thanh không? <i>Did own ship give sound signals?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Cách thức thu hút sự chú ý (VHF, đèn, v.v...)? <i>How was attention called for (VHF, light, etc)?</i>		Vào lúc nào? <i>At what time?</i>
99		Có nghe thấy âm hiệu từ tàu kia không <i>Were sound signals from the other ship observed?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Quan sát được những tín hiệu gì? <i>What signals were observed?</i>		Vào lúc nào? <i>At what time?</i>
100		Tàu mình đã trưng đèn/tín hiệu gì? <i>What lights/signals were carried by own ship?</i>				
101		Đèn/tín hiệu quan sát được trên tàu kia <i>Lights/signals observed on the other ship</i>				
102		Hướng và tốc độ của tàu kia khi quan sát được bằng mắt thường <i>Course and speed of the other ship when it was observed visually</i>		Hướng <i>Course</i>	Tốc độ <i>Speed</i>	Những thay đổi về hướng và tốc độ quan sát được <i>Changes of course and speed observed</i>
103		Ăng ten ra đa của tàu kia có quay không? <i>Was the radar antenna on the other ship moving?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không quan sát được <i>Yes No Not observed</i>			Các đèn quan sát được của tàu kia có rõ không? <i>Was the observed lanterns giving clear lights?</i>	
104	Điều động tránh va có bị ảnh hưởng bởi tàu khác không? <i>Were any avoidance manoeuvres disturbed by the other ship?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>			Bồi giao thông khác <i>By other traffic</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Bồi tính chất nước <i>By the nature of the waters</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	

105		Có bất kỳ sự liên lạc bằng VTĐ giữa các tàu trước khi xảy ra tai nạn không? <i>Were there any radio communication between the ships before the collision?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Có cố gắng liên lạc bằng VTĐ không? <i>Were any attempts made to take radio contact?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Có liên lạc bằng VTĐ sau đâm va? <i>Radio contact after the collision</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
106		Tàu kia có tải hay không? <i>Was the other ship loaded?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không quan sát được <i>Yes No Not observed</i>			Tàu kia có bị nghiêng không? <i>Had the other ships a list?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không quan sát được <i>Yes No Not observed</i>		
107		Tàu kia <i>The other ship</i>	Tên <i>Name</i>	Hồ hiệu <i>Signal letters</i>	Loại <i>Type</i>	Tổng dung tích <i>Gross tonnage</i>	Cảng đăng ký <i>Port of registry</i>
108		Đã làm những gì để trợ giúp tàu khác sau khi đâm va? <i>What was made to assist the other ship after a collision?</i>					
109	ĐÂM VA/ MẮC CẠN <i>COLLISION/ GROUNDING</i>	Mô tả ngắn gọn quá trình diễn biến các sự kiện (điều động của tàu mình, điều động quan sát được của tàu kia, các cản trở việc điều động, hư hỏng, thời gian tàu ra cạn.v.v.) Give a brief description of the course of events (own ship manoeuvres, observed manoeuvres of the other ship, obstacles for manoeuvres, damages, time when the ship came off the ground, etc.) Đối với tai nạn đâm va: Vẽ lại sơ đồ mô tả các tình huống từ lúc phát hiện được tàu đối phương cho đến thời điểm đâm va At a collision: Draw preferably a sketch showing the situation from the time when the other ship was detected to the collision moment.					

C. Điền trong trường hợp tai nạn gây cháy/nổ
C. To be filled in if the accident caused fire/explosion

110	VỊ TRÍ CHÁY/ ĐÁNH LỬA <i>FIRE/ IGNITION PLACE</i>	Cháy/nổ bắt đầu ở khu vực nào: <i>Area in which the fire/explosion started</i> <input type="checkbox"/> Buồng máy <input type="checkbox"/> Hầm hàng <input type="checkbox"/> Khu vực sinh hoạt <input type="checkbox"/> Các khu vực khác <i>Machinery space Cargo space Accommodation space Other place</i>
111		Mô tả chi tiết nơi vụ cháy/nổ bắt đầu <i>Describe in detail where the fire/explosion started</i>
112		Nơi cháy tiếp theo <i>Where did the fire develop further</i>

113		Vật liệu phát hỏa <i>Materials in which the ignition took place</i> <input type="checkbox"/> Sản phẩm dầu <input type="checkbox"/> Gỗ <input type="checkbox"/> Vật liệu ngăn cách <input type="checkbox"/> Các vật liệu khác, nêu rõ <i>Oil production Wood Insulation material Other, indicate what material</i>	
114		Nguyên nhân phát hỏa <i>Ignition causes</i> <input type="checkbox"/> Cháy <input type="checkbox"/> Tia lửa <input type="checkbox"/> Các bề mặt nóng <input type="checkbox"/> Tự động đánh lửa <input type="checkbox"/> Các loại khác, nêu rõ <i>Flame Spark Hot surfaces Auto-ignition Other, indicate what</i>	
115	CẢNH BÁO CHÁY VÀ THIẾT BỊ CỨU HỎA <i>FIRE WARNING AND EXTINGUISHING EQUIPMENT</i>	Thiết bị báo cháy có được lắp đặt tại nơi phát hỏa không? <i>Were fire detection installed where the fire started?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
116		Nếu có, loại nào? <i>If yes, what type?</i> <input type="checkbox"/> Nhiệt <input type="checkbox"/> Khói <input type="checkbox"/> Loại khác, nêu rõ <i>Heat smoke Other type, indicate what type</i>	
117		Hệ thống báo cháy hoạt động có tốt không? <i>Did the warning system function satisfactory ?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
118	Cháy được phát hiện như thế nào <i>How was the fire detected</i>	<input type="checkbox"/> Thiết bị báo cháy <input type="checkbox"/> Người <input type="checkbox"/> Các loại khác <i>Fire detector Personnel Other means</i>	
119		Thiết bị chữa cháy cố định <i>Fixed fire extinguishing equipment</i>	Tại nơi cháy <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>At the accident place Yes No</i>
120	CHÁY/ NỔ <i>FIRE/ EXPLOSION</i>	Cháy được phát hiện như thế nào <i>How was the fire detected</i>	
121		Nếu tai nạn xảy ra trong cảng, ai là người đang trực ca? <i>If accident occurred in port, who were on watch duty?</i>	
122		Vị trí của người trực ca khi phát hiện tai nạn? <i>Where were the persons on watch when the accident was detected?</i>	
122	Hướng gió tương đối ảnh hưởng như thế nào? <i>How was the relative wind direction?</i>	Lần gần nhất, trước khi xảy ra tai nạn, có người đến khu vực này không? Nếu có, người nào? <i>When were persons at the accident place at the latest time before the accident?(Indicate, if possible, who)</i>	

123	Có gì bất bình thường tại thời điểm đó không? <i>Was anything abnormal at that time?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Nếu có, nêu rõ (ví dụ như báo động) <i>If yes, indicate what (e.g. alarm)</i>
124	Đã làm gì để dập lửa và hạn chế thiệt hại? <i>What was made to extinguish the fire and limit the damages?</i>	
125	Loại thiết bị chữa cháy đã sử dụng (cố định và/hoặc cầm tay)? <i>What type of extinguishing equipment was used (fixed and/or portable)?</i>	
126	Các thiết bị chữa cháy có hoạt động tốt không? <i>Did the extinguishing equipment function satisfactorily?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không * <i>Yes No *</i>	Mô tả sự hoạt động của thiết bị chữa cháy, các khiếm khuyết,.... <i>Describe how the extinguishing equipment functioned, deficiencies, etc.</i>
127	Các tấm chắn lửa và thiết bị đóng nhanh hoạt động tốt không? <i>Did fire dampers and quick shut-off arrangements function satisfactorily?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không* <i>Yes No*</i> *Nếu không, nêu các thiết bị hư hỏng và nguyên nhân tại Phần L <i>If no, indicate deficient equipment and causes in Part L</i>	Những thiết bị này được bố trí hợp lý không? <i>Were these suitably located ?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>

D. Điền trong trường hợp tai nạn gây nghiêng/lật

D. To be filled in if the accident has caused list/capsizing

128	NGHIÊNG/ LẬT LIST/ CAPSIZING	Tai nạn liên quan đến <i>The accident was concerned with</i>	<input type="checkbox"/> Dịch chuyển của hàng hóa <input type="checkbox"/> Rò rỉ <input type="checkbox"/> Nghiêng tàu do thời tiết xấu <i>Shifting of cargo Leakage Violent heeling caused be heavy sea</i> <input type="checkbox"/> Tổng hợp của các dạng trên <input type="checkbox"/> Không rõ nguyên nhân <i>Combination of the above Caused unknown</i> <input type="checkbox"/> Các nguyên nhân khác <input type="checkbox"/> Other caused
129		Hàng hóa được bốc lên ở đâu? <i>Where was the cargo taken on board?</i>	Hàng hóa được bốc lên tàu có sự giám sát của cơ quan chức năng hay các tổ chức khác không? <i>Did the loading take place under supervision of a state authority or other institution?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>

130	Tất cả các hầm/két hàng có xếp đầy không? <i>Were all holder/tanks fully loaded</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Nếu có, cơ quan nào <i>If yes, indicate what authority</i>	
131	Hàng hóa trong hầm và trên boong đã được chằng buộc để phòng dịch chuyển như thế nào? <i>How was the hold and deck cargo secured against shifting?</i>		
132	Tàu đã vận chuyển hàng hóa loại này bao giờ chưa? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Has the ship previously carried the same type of cargo Yes No</i>		
133	Sau lần giám định khả năng đi biển gần nhất, tàu có hoán cải hoặc thay đổi làm ảnh hưởng tới ổn tính không? <i>Has the ship after the latest seaworthiness survey been converted or altered in such a way that it influenced the stability?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i> Nếu có, mô tả các hoán cải <i>If yes, describe the modification</i>		
134	Tàu có được cấp thông báo ổn tính được duyệt không? <i>Were the ship provided with approved stability calculation?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Tàu có sơ đồ xếp hàng cho chuyến hành trình hiện thời không? <i>Had the ship a cargo plan for the voyage in question?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Tàu có được trang bị thiết bị thích hợp để tính toán ổn tính không? <i>Is the ship provided with an approved instrument for stability calculation?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>
135	Có tính toán ổn tính của tàu lúc rời cảng gần nhất không? <i>Was the stability calculated for the ship's condition at the departure from the last port?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Có tính toán ổn tính của tàu khi đến cảng dỡ không? <i>Ditto before arrival to the unloading port</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>
136	Ổn tính của tàu có thỏa mãn không? <i>Was the stability satisfactory?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Chu kỳ lắc ngang của tàu, giây <i>Indicate the rolling period in seconds</i>	
137	Đã làm gì để tìm ra nguyên nhân nghiêng? (kiểm tra, đo kết,...) <i>What was done to find out the reason for the list? (Inspections, sounding, etc)?</i>		
138	Nêu nguyên nhân làm tăng độ nghiêng, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the increasing list</i>		
139	Đã làm gì để tàu khỏi nghiêng hoặc làm cho tàu cân bằng trở lại? <i>What was done to stop further list or to right the ship?</i>		
140	Việc nghiêng tàu đã xảy ra như thế nào? <i>How did the heeling occur?</i> <input type="checkbox"/> Đột ngột <input type="checkbox"/> Độ nghiêng tăng từ từ <i>Suddenly Gradually increasing</i>		
141	Nếu tàu bị lật úp do độ nghiêng tăng từ từ, khi nào thì xác định được tình thế là nguy cấp? <i>If the capsizing occurred with a gradually increasing list, when was it established that the situation was critical?</i>		
142	Nêu nguyên nhân lật, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the capsizing</i>		

E. Điền trong trường hợp tai nạn có sự rò rỉ

E. To be filled in if the accident includes a leakage

143	<p style="text-align: center;">RÒ RỈ <i>LEAKAGE</i></p>	Loại rò rỉ <i>Type of leakage</i> <input type="checkbox"/> Bên trong <i>Internal</i>		<input type="checkbox"/> Bên ngoài <i>External</i>	
144		Rò rỉ <i>Leakage</i>	Nơi bắt nguồn <i>Place where it started</i>		Được phát hiện như thế nào? <i>How was it detected?</i>
			Ai phát hiện ra? <i>Detected by whom?</i>		Phát hiện khi nào? <i>When was it detected?</i>
145		Đã làm gì để loại trừ/hạn chế rò rỉ? <i>What was done to stop/minimize the leakage?</i>			
146	Nêu mức độ rò rỉ, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the size of the leakage.</i>				
147	Các hậu quả do rò rỉ? <i>What consequences had the leakage?</i>				
148	Nêu nguyên nhân của rò rỉ, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the leakage</i>				

F. Điền trong trường hợp tai nạn là/do hư hỏng máy chính*F. To be filled in if the accident was/caused engine failure*

149	HÔNG MÁY ENGINE FAILURE	Mô tả hư hỏng <i>Describe the damage</i>	
150	Hư hỏng đã bắt đầu xảy ra ở bộ phận hoặc hệ thống nào? <i>In which component or system did the damage initially occur?</i>		
151	Các thông số kỹ thuật của bộ phận/hệ thống nói trên? (Nhà sản xuất, loại, số hiệu, tuổi, v.v.) <i>Technical data for component/system where the damage occurred (manufacturer, type, mark, age, etc.)?</i>		
152	Thời gian của lần giám định phân cấp, kiểm tra hoặc các cuộc kiểm tra khác? <i>When were the last class surveys or other inspection carried out?</i>		
153	Hư hỏng đã được phát hiện như thế nào? <i>How was the damage detected?</i>	Ai đã phát hiện ra? <i>By whom?</i>	Khi nào? <i>When?</i>
154	Có người trực ca buồng máy khi hư hỏng xảy ra không? <i>Was the machinery space manned when the damage occurred?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Ai đã hoặc lần cuối ở trong buồng máy trước khi hư hỏng xảy ra? <i>Who was, or who had last been in the machinery space before the damage occurred?</i>	
155	Nêu diễn biến các sự việc theo trình tự thời gian, nếu có thể <i>Give, if possible, a description of the course of events in chronological order</i>		
156	Đã làm gì để hạn chế hư hỏng? <i>What was done to limit the extent of the damage?</i>		

157		Nêu nguyên nhân hư hỏng, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the failure damage</i>
158		Những hư hỏng có thể liên quan tới <i>Can the failure damage referred to</i> <input type="checkbox"/> Thiếu sót trong chế độ bảo dưỡng <i>Faulty maintenance routines</i> <input type="checkbox"/> Thiếu sót trong hệ thống giám sát <i>lack of supervision systems or instruments</i> <input type="checkbox"/> Không tuân thủ các quy trình <i>Not carried out processes</i> <input type="checkbox"/> Các thiếu sót giám sát khác: <i>maintenance routines</i> <input type="checkbox"/> hoặc thiết bị giám sát <i>had not been followed</i> <input type="checkbox"/> bảo dưỡng được thiết lập <i>Other supervision failure</i>

G. Điền trong trường hợp tai nạn gây thương tật/nhiễm độc/chết

G. To be filled in if the accident caused injury/poisoning/death

	BỊ THƯƠNG/ NHIỄM ĐỘC/ CHẾT <i>INJURY /POISONING/ DEATH</i>	BỊ THƯƠNG <i>INJURED</i>	NHIỄM ĐỘC <i>POISONED</i>	MẤT TÍCH <i>DISAPPEARED</i>	CHẾT <i>DEAD</i>		
159	Thuyền viên <i>Crew members</i>						
160	Hành khách <i>Passengers</i>						
161	Những người khác trên tàu <i>Other persons onboard</i>						
	Những người khác ngoài tàu <i>Persons outside the ship</i>						
162	Tai nạn/thiệt hại phát sinh trực tiếp từ các sự cố khác không? <i>Was the accident/damage directly caused by another occurrence?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>					Hoặc liên quan đến sai sót/tôn thất chung/tàu đắm (cứu hỏa, lai kéo, v.v...) <i>Or in connection with failure/average/shipwreck (fire extinguishing, towing, etc)</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
163	Tai nạn xảy ra liên quan đến việc sơ tán khỏi tàu không? <i>Did the accident occur in connection with evacuation of the ship?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>					Nếu tai nạn trong khi làm việc, xảy ra ở vị trí làm việc nào? <i>If a working accident, where took the work place?</i>	
164	Người bị thương/chết có nhiệm vụ gì khi tai nạn xảy ra? <i>Which duty had the injured/dead person when the accident occurred?</i>						
165	Ai lệnh làm việc đó? <i>Who ordered the work?</i>					Ai chỉ huy việc đó? <i>Who led the work?</i>	
166	Có quy định bảo hộ/an toàn đặc biệt nào không? <i>Existed special safety/protection provisions for the work in question?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>					Những quy định này có được tuân thủ không? <i>Were these provisions followed?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
167	Những hệ thống bảo hộ/an toàn có thỏa mãn không? <i>Were the safety/protection arrangements satisfactory?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>					Ban an toàn của tàu có xem xét các điều kiện làm việc trước khi xảy ra tai nạn không? <i>Were the working conditions before the accident considered by the safety committee?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	

168	Mô tả các khiếm khuyết liên quan đến bảo hộ/an toàn, và lý do tại sao không được tuân thủ các quy định <i>Describe deficiencies concerning safety/protection, if any, and the reason why the provisions were not complied with</i>	
169	Ban an toàn của tàu đã xem xét tai nạn chưa? <i>Has the accident been considered by the safety committee?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Nếu có, đã quyết định các biện pháp gì? <i>If yes, what measures were decided?</i> Các biện pháp này đã được áp dụng như thế nào <i>Have these measures been taken</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Một phần <i>Yes No Partly</i>
170	Nếu là một phần, nêu rõ <i>If partly, indicate which</i>	
171	Nếu tai nạn xảy ra trong các két/khoang kín hoặc két/khoang kín lân cận, nêu hàng hóa/các thứ bên trong các khoang này <i>If the accident occurred in or in the neighbourhood of a tank/enclosed space, indicate then cargo/content in these space</i>	
		Hàng hoá/các thứ bên trong của chuyến trước <i>Previous cargo/content</i>
172	Mô tả quy trình vệ sinh, bơm và đo nồng độ khí. Nêu thời gian sử dụng cho các công việc đó <i>Describe the procedures for cleaning, pumping and gas measuring. Indicate the time use for that work</i>	
173	Đã áp dụng phương pháp đo nào nhằm kiểm soát lượng? <i>Was gas measuring made in order to control the amount of ?</i> <input type="checkbox"/> Khí độc <input type="checkbox"/> Khí dễ cháy <input type="checkbox"/> Khí ô xy <i>Poisonous gas Flammable gas Oxygen</i>	
174	Việc đo khí đã được tiến hành <input type="checkbox"/> Trước khi xảy ra tai nạn <input type="checkbox"/> Sau khi xảy ra tai nạn <i>Gas measuring was made Before the accident After the accident</i> Ai đo <input type="checkbox"/> Ai đo <i>By whom By whom</i> Trị số đo <input type="checkbox"/> Trị số đo <i>Value read Value read</i>	
175	Nhà sản xuất và loại thiết bị đo, nêu cả que thử và ngày/tháng sử dụng lần gần nhất <i>Measuring instrument manufacturer and type, indicates also type of measuring dips used and its last date/month of use</i>	Ngày kiểm tra thiết bị gần nhất <i>The instrument's latest control date</i>
176	Các trang bị bảo hộ cá nhân có được sử dụng không? <i>Was personnel protection equipment used?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
177	Mô tả các thiết bị bảo hộ đã sử dụng và các khiếm khuyết nếu có <i>Describe the protection equipment used and any deficiencies, if any</i>	
178	Liệu tai nạn có liên quan đến hư hỏng kết cấu, hệ thống và thiết bị của tàu? <i>Can the accident be related to faults in the ships' construction, arrangement or equipment?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
179	Nếu có, nêu chi tiết <i>If yes, give a detailed description</i>	

180	Tình trạng sức khỏe và tinh thần của người bị thương/chết có là nguyên nhân dẫn đến tai nạn hoặc làm cho hậu quả của nó trở nên nghiêm trọng hơn (say, chán nản.v.v...) Has the physical or psychological condition of the injured/dead person contributed to that the accident or its consequences has been more serious (alcohol, depression, etc) <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No		
181	Trong trường hợp chết do ốm hoặc nhiễm độc, nêu thời gian lần được bác sĩ khám gần nhất In the case of death caused by sickness or poisoning, indicate the time when the person was last examined by a doctor		
182	Có điểm gì đáng lưu ý về mặt tình trạng sức khỏe của người trước khi bị thương/chết? Were there anything noteworthy in respect of the person's health condition before the injury/death?		
183	Khi nào phát hiện ra người đó bị ốm/bị thương/nhiễm độc/chết? When was it detected that the person was sick/injured/poisoned/dead?		
184	Trong trường hợp bị nhiễm độc, tại sao chất độc có trên tàu? In the case of poisoning, why was the substance on board? <input type="checkbox"/> Chất đó được vận chuyển trên tàu <input type="checkbox"/> Đã sử dụng trong quá trình bảo dưỡng <input type="checkbox"/> Do các mục đích đặc biệt <input type="checkbox"/> Không biết The substance was carried as cargo Was used during maintenance Procured for special purposes Unknown		
185	Người đó đã tiếp xúc với chất độc đó như thế nào? How came the person in contact with the substance?		
186	Chất đó được cất giữ trên tàu như thế nào? How was the substance stored on board?		
187	Trách nhiệm đối với việc cất giữ chất đó trên tàu như thế nào? How was responsible for the storage of the substance?		
188	Người bị thương/chết có biết chất đó không? Was the injured/dead person familiar with the substance <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không biết Yes No Do not know	Các bao kiện có được đánh dấu không? Was the packaging marked? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No	Như thế nào? How?
189	Mô tả toàn diện quá trình diễn biến các sự kiện Give a comprehensive description of the course of the event		

H. Điền trong trường hợp tai nạn gây ô nhiễm/xả thải
H. To be filled in if the accident caused pollution/discharge

190	Ô NHIỄM/ THẢI POLLUTION/ DISCHARGE	Loại ô nhiễm (Nêu rõ đặc tính kỹ thuật, tính chất của chất thải ra) Type of pollution (technical and characteristic designation of the discharge substance)
191	Ô nhiễm xảy ra liên quan đến Did the pollution occur in connection with	<input type="checkbox"/> Đâm va Collision <input type="checkbox"/> Bốc/dỡ hàng Loading/unloading <input type="checkbox"/> Nhận nhiên liệu Bunkering <input type="checkbox"/> Di chuyển hàng hoặc nhiên liệu Transfer of cargo or bunker <input type="checkbox"/> Vệ sinh két Tank cleaning <input type="checkbox"/> Nhả chìm ngoài biển Dumping in open sea <input type="checkbox"/> Mắc cạn Grounding <input type="checkbox"/> Lật úp Capsizing <input type="checkbox"/> Rò rỉ Leakage <input type="checkbox"/> Hư hỏng thiết bị Equipment failure <input type="checkbox"/> Các nguyên nhân khác Other cause
192	Việc thải có phải do thiếu sót trong quá trình vận hành thiết bị trên tàu không? Was the discharge caused by faulty handling of equipment on board? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No	Nếu chất thải là dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm, tàu có được cấp giấy chứng nhận cho loại hàng đó không? If the discharge consisted of oil or hazardous cargo, was the ship provided with a valid certificate for such cargo? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No

193	Nêu số lượng thải, lít <i>Indicate the amount discharge in litre</i>	Nêu kích thước của vệt dầu hoặc các chất lỏng độc hại khác <i>Indicate the size of oilslick or other liquid hazardous substance</i>			
194	Mô tả việc thải đã xảy ra như thế nào <i>Describe how the discharge occurred</i>				
195	Ai đã làm gì nhằm hạn chế/ngừng việc thải hoặc nhằm hạn chế sự lan rộng? <i>Who was doing in order to minimize/stop the discharge or in order to limit the spreading?</i> Đã thông báo về việc thải cho ai và như thế nào? <i>Who were notified concerning the discharge and how?</i>				
196	Báo cáo việc xả thải đã được gửi <i>Report on the discharge sent</i>	Ngày <i>Date</i>	Thời gian <i>Time</i>	Cho <i>To</i>	Người gửi <i>By</i>

Phụ lục III

Annex No. III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TAI NẠN HÀNG HẢI/NĂM 20.....

Phân loại tai nạn	Số vụ tai nạn				Số người chết, mất tích (người)	Số người bị thương (người)	Tổn thất vật chất
	Đặc biệt nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Ít nghiêm trọng	Cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
TỔNG SỐ							a/ Phương tiện, công trình GTVT:
I. Trong đó, chia ra:							
- Tàu trong nước							
- Tàu nước ngoài							
II. Trong đó chia ra:							
- Mất tích							b/ Hàng hóa:
- Đâm va							
- Va chạm							
- Mắc cạn							
- Cháy							c/ Chi phí sửa chữa:
- Nổ							
- Thủng vỏ							
- Tràn dầu							d/ Môi trường:
- Lật tàu							
- Chìm đắm							
- Tai nạn khác							

....., ngày tháng..... năm 20.....
(Ký tên, đóng dấu)